TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 429/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-04-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Không có.

Ngày 17 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1359/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1980, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Kim C, Tổ X, Ấp Y, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Kim C, Tổ X, Ấp Y, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đăng ký kết hôn, chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do bị đơn sống không có trách nhiệm với

gia đình, thường xuyên ăn nhậu rồi về đánh đập vợ con. Nguyên đơn và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng bị đơn không sửa đổi. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoàng G, sinh ngày 23/01/2007. Nguyên đơn đồng ý giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn tự thỏa thuận với bị đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: bị đơn là người sống thiếu trách nhiệm, thường xuyên đi nhậu rồi về đánh đập vợ con. Gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng bị đơn không thay đổi. Tuy vẫn sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì mâu thuẫn không giải quyết được, đời sống tinh thần quá mệt mỏi nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên nguyên đơn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cho rằng không thể tiếp tục chung sống với bị đơn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn từ chối nhận giấy triệu và các văn bản của tố tụng của Tòa án, đồng thời bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ bị đơn không còn quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình và không có thiện chí, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm sống. Các bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận định: quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 220, quyển số 01/2008 ngày 16 tháng 06 năm 2008 của Uỷ ban nhân dân Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoàng G, sinh ngày 23/01/2007.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 22/11/2022, con chung có nguyện vọng được sống cùng bị đơn, đồng thời nguyên đơn cũng đồng ý giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Nguyễn Thị Hoàng G cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn yêu cầu được tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con với bị đơn, xét thấy, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về mức cấp dưỡng nuôi con, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nếu bị đơn có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hoàng G, sinh ngày 23/01/2007 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Kim N tự thỏa thuận với ông Nguyễn Văn H.

Bà Nguyễn Thị Kim N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim N phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0019800 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài

Nơi nhận
- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- THA DS huyện Củ Chi;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.